DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 1 LẦN 1 - NĂM 2025

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Tên ngành	Tên chuyên ngành
1	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1907364	Nguyễn Anh Thư	04/12/2001	N	Hóa dược	
2	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1907383	Ngô Nhật Trường	08/08/2001		Hóa dược	
3	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2012632	Nguyễn Hải Đăng	21/12/2002		Hóa dược	
4	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2104188	Nguyễn Thị Tú Sương	08/12/2003	N	Hóa dược	
5	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110355	Quách Thị Sèm Chên	01/05/2003	N	Hóa dược	
6	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110370	Đỗ Lê Nhân	16/08/2003		Hóa dược	
7	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110400	Bùi Minh Khôi	23/11/2003		Hóa dược	
8	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2110406	Võ Huỳnh Thu Ngân	18/08/2003	N	Hóa dược	
9	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1904977	Nguyễn Thị Thanh Hương	12/07/2001	N	Hóa học	
10	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1904978	Phạm Thị Thu Hương	06/11/2001	N	Hóa học	
11	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011060	Lê Trung Hào	03/01/2002		Hóa học	
12	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011061	Nguyễn Thị Ngọc Hân	11/07/2002	N	Hóa học	
13	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011075	Trần Đinh Bảo Ngọc	27/04/2002	N	Hóa học	
14	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011082	Trương Loan Thảo	16/11/2002	N	Hóa học	
15	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102478	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	03/12/2003	N	Hóa học	
16	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102491	Tô Thụy Huyền Linh	05/10/2003	N	Hóa học	
17	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102503	Nguyễn Thị Hồng Như	27/04/2001	N	Hóa học	
18	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102509	Phan Thị Mỹ Qúi	14/10/2003	N	Hóa học	
19	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2102588	Nguyễn Tường Vy	17/11/2003	N	Hóa học	
20	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2107091	Huỳnh Văn Tiến	05/12/2003		Hóa học	
21	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109418	Châu Ngọc Như	24/12/2003	N	Hóa học	
22	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109441	Huỳnh Văn Hoài	20/05/2003		Hóa học	
23	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B1906264	Phạm Lê Hoàng Uyên	22/06/2001	N	Sinh học	
24	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011807	Nguyễn Chung Minh Ngọc	21/02/2002	N	Toán ứng dụng	
25	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2011810	Trần Diệp Thái Như	31/01/2002	N	Toán ứng dụng	
26	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103222	Huỳnh Tú Anh	10/04/2003	N	Toán ứng dụng	
27	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103227	Trần Song Huyền Anh	12/04/2003	N	Toán ứng dụng	
28	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103231	Đỗ Mỹ Duyên	10/09/2003	N	Toán ứng dụng	
29	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103264	Nguyễn Thị Yến Nhi	27/07/1997	N	Toán ứng dụng	
30	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2103303	Nguyễn Thị Triều Vân	18/04/2003	N	Toán ứng dụng	
31	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109843	Nguyễn Thị Cẩm Hường	01/03/2003	N	Toán ứng dụng	
32	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109848	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	05/10/2003	N	Toán ứng dụng	
33	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109852	Phan Thị Cẩm Nhung	29/08/2003	N	Toán ứng dụng	
34	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109853	Lê Thị Huỳnh Như	30/10/2003	N	Toán ứng dụng	
35	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109860	Nguyễn Thanh Nguyệt Tâm	14/05/2003	N	Toán ứng dụng	
36	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109864	Nguyễn Thị Anh Thư	13/04/2003	N	Toán ứng dụng	
37	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109868	Lê Thị Tuyết Trinh	25/12/2003	N	Toán ứng dụng	
38	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2109872	Nguyễn Thị Như Ý	03/07/2003	N	Toán ứng dụng	
39	KH	51/QĐ-ĐHCT	07/01/2025	B2013592	Trần Thị Hồng Yến	14/11/2002	N	Vật lý kỹ thuật	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ